

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải, ông Y Dhiều Hmok.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1987 – có mặt

Địa chỉ: **Số E, tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Trọng M**, sinh năm 1985 - Vắng mặt

Địa chỉ: **Số F, tổ dân phố A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Lê Thị T** trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **Nguyễn Trọng M** là vợ chồng, ngày 24/12/2012 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại **UBND phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**. Sau khi kết hôn chị **T** và anh **M** sống hạnh phúc một thời gian đến đầu năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm vì những việc nhỏ nhặt. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly

thân từ tháng 04/2013 đến nay. Nay chị **T** thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh **M**.

Về con chung: Chị **T** và anh **M** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Hồng T1**, sinh ngày 02/11/2012. Khi ly hôn chị **T** có nguyện vọng Tòa án giao cháu **T1** cho chị **T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Nguyễn Trọng M** mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt ông **Nguyễn Trọng M** theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, chị **Lê Thị T** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 21-02-2024 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 27-02-2024, Tòa án Thông báo nộp tạm ứng án phí; cùng ngày nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp về con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn anh **Nguyễn Trọng M** vắng mặt đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị **Lê Thị T** và

anh Nguyễn Trọng M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống chị Lê Thị T xác định vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống, trong sinh hoạt hàng ngày thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi nhau chỉ vì những nguyên nhân nhỏ nhặt và tháng 4/2013 vợ chồng đã sống ly thân đến nay.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị Lê Thị T và anh Nguyễn Trọng M thì địa phương cung cấp quá trình sống tại địa phương giữa chị Lê Thị T và anh M khi phát sinh mâu thuẫn không ai trình báo với chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không nắm được, nhưng hiện tại chị Lê Thị T và anh M đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Trọng M đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Lê Thị T ly hôn anh Nguyễn Trọng M là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị T và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 02/11/2012. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cháu T1 và cháu T1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý bình thường của con chung, nên HĐXX cần giao cháu T1 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Trọng M không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Trọng M.

2. Về con chung:

- Giao con chung là cháu **Nguyễn Hồng T1**, sinh ngày 02/11/2012 cho chị **Lê Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh **Nguyễn Trọng M** có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ chung: Chị **Lê Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị **Lê Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0001361 ngày 27-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B

Bị đơn anh **Nguyễn Trọng M** không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã P. A;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Kim Chung